

BÀI 44 和菓子を食べてから、抹茶を飲みます
WAGASHI O TABETE KARA, MACCHA O NOMIMASU

アンナ Anna	和菓子はとても甘いですね。 WAGASHI WA TOTEMO AMAI DESU NE.	Bánh Nhật Bản rất ngọt, thày nhỉ?
先生 Thày giáo	和菓子を食べてから、抹茶を飲みます。 抹茶は苦いかもしれません。 WAGASHI O TABETE KARA, MACCHA O NOMIMASU. MACCHA WA NIGAI KAMOSHIREMASEN.	Sau khi ăn bánh Nhật Bản, thì uống trà pha từ bột trà xanh. Trà này có thể đắng.
アンナ Anna	先生、足がしびれました。いたたたた。 SENSEI, ASHI GA SHIBIREMASHITA. ITATATATA.	Thày ơi, chân em bị tê. Ôi, đau quá!



Mẫu ngữ pháp

① Động từ thể TE + KARA (sau khi _)

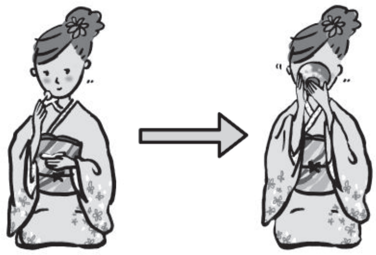
◈ KARA là trợ từ, nghĩa là "sau khi".

Hành động trước, rồi đến KARA, rồi đến hành động sau.

Trước KARA dùng động từ thể TE.

Ví dụ: WAGASHI O TABETE KARA, MACCHA O NOMIMASU.

(Sau khi ăn bánh Nhật Bản, thì uống trà pha từ bột trà xanh.)



② _ KAMOSHIREMASEN (có thể _)

Ví dụ: NIGAI KAMOSHIREMASEN ⇔ AMAI KAMOSHIREMASEN

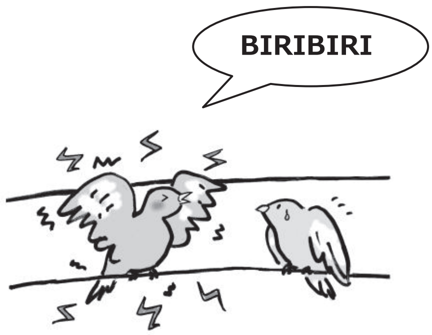
(có thể đắng) (có thể ngọt)



Từ tượng thanh và tượng hình



Từ chỉ việc bị tê chân hoặc tay



Từ chỉ cảm giác tê khi bị điện giật